

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND tỉnh về việc ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nội dung liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền UBND tỉnh;

Căn cứ các quyết định của UBND tỉnh: số 1122/QĐ-UBND ngày 03/05/2024 về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nâng công suất mỏ đất san lấp khu vực Rú Râu, xã An Dũng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh”; số 4180/GP-UBND ngày 24/12/2021 Giấy phép khai thác; số 1865/QĐ-UBND ngày 31/07/2024 về việc điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5691/TTr-STNMT ngày 05/12/2024 (trên cơ sở đề xuất của Công ty TNHH Sáng Gia Tân Tiến tại Văn bản số 36/2024/CV-SGTT ngày 20/09/2024 kèm hồ sơ liên quan; ý kiến của Tổ thẩm định tại Văn bản số 4612/STNMT-MT ngày 14/10/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn bản số 38/CV-SGTT ngày 05/11/2024 của Công ty TNHH Sáng Gia Tân Tiến kèm theo hồ sơ đã được chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện); ý kiến đồng ý của các Thành viên UBND tỉnh qua Phiếu biểu quyết.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Sáng Gia Tân Tiến (địa chỉ tại Thôn Tân Tiến, xã An Dũng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh) được thực hiện các hoạt

động bảo vệ môi trường của dự án “Khai thác mỏ đất san lấp khu vực Rú Râu, xã An Dũng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Khai thác mỏ đất san lấp khu vực Rú Râu, xã An Dũng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh;

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã An Dũng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh;

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3002072206, đăng ký lần đầu ngày 16/03/2017 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 10/03/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp; Người đại diện theo pháp luật là ông Phan Công Chính, chức vụ: Giám đốc, CCCD số: 042064008243 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 23/07/2024.

1.4. Mã số thuế: 3002072206.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án khai thác mỏ đất san lấp khu vực Rú Râu, xã An Dũng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh trên diện tích 3,0ha.

- Mức khai thác thấp nhất: đến +25m

- Công suất khai thác 120.000m³ đất nguyên khai/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện các yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện các yêu cầu về cải tạo, phục hồi môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Công ty TNHH Sáng Gia Tân Tiến (đơn vị đề xuất), UBND huyện Đức Thọ (đơn vị phối hợp, kiểm tra, giám sát thực hiện), Tổ thẩm định (theo Quyết định số 297/QĐ-STNMT ngày 01/10/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường), Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan tổng hợp, thẩm định, tham mưu) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra và các cơ quan liên quan về nội dung, số liệu báo cáo và đề xuất tại các Tờ trình và Văn bản nêu trên và quá trình thực hiện, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Sáng Gia Tân Tiến sau khi được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường;

2. Có trách nhiệm:

- Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải và sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

- Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 4. Thời hạn của Giấy phép: Đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2028 (Theo thời hạn của Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản số 1865/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh).

Điều 5. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Đức Thọ, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Khai thác mỏ đất san lấp khu vực Rú Râu, xã An Dũng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh” theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, PCVP phụ trách;
- Công ty TNHH Sáng Gia Tân Tiến;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL₃.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Bá Hà

Phụ lục 01

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày / /2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải, nước mưa chảy tràn:

- Nguồn số 01: Nước mưa chảy tràn qua khu vực mỏ

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận, vị trí xả nước thải, nước mưa chảy tràn:

2.1. Dòng nước mưa chảy tràn:

Nước mưa chảy tràn qua khu vực mỏ được thu gom dẫn về hồ lắng để xử lý, sau đó chảy ra nguồn tiếp nhận.

2.2. Nguồn tiếp nhận, vị trí xả nước mưa chảy tràn:

2.2.1. Nguồn tiếp nhận: Đập Trốc Xối, xã An Dũng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

2.2.2. Tọa độ vị trí xả nước mưa chảy tràn:

- Tại điểm đầu nối đập Trốc Xối, có tọa độ X(m) = 2040002; Y(m) = 512590 (theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.2.3. Lưu lượng xả nước thải, nước mưa chảy tràn lớn nhất:

- Nước mưa chảy tràn (những ngày có mưa lớn nhất): 72,4 m³/h

2.2.4. Phương thức xả nước mưa chảy tràn: tự chảy.

2.2.5. Chế độ xả nước mưa chảy tràn: tại thời điểm có mưa.

2.2.6. Chất lượng nước mưa chảy tràn trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Chất lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, $K_q = 0,6$, $K_f = 1,1$). Chi tiết các thông số ở bảng dưới đây:

TT	Thông số phân tích	Đơn vị đo	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, $K_q = 0,6$, $K_f = 1,1$).
1	pH	Thang pH	5,5– 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	33
3	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	66
4	COD	mg/l	99
5	Chì (Pb)	mg/l	0,33
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6,6

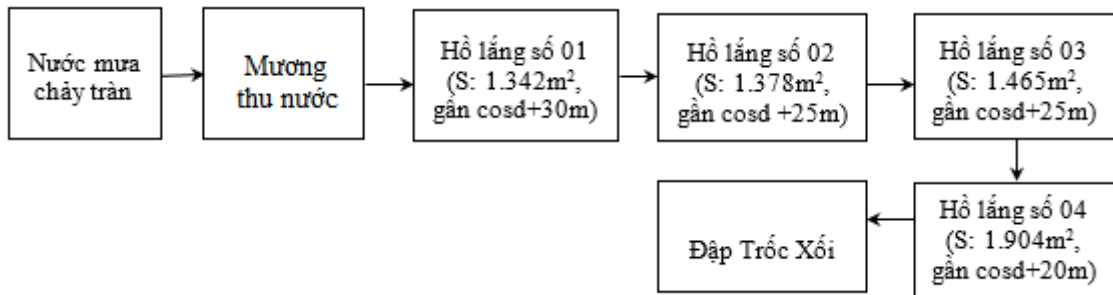
7	Tổng Nitơ	mg/l	26,4
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,96
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	6,6
10	Sắt (Fe)	mg/l	3,3
11	Mangan	mg/l	0,66
12	Tổng Coliform	MPN/100ml	5000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI VÀ NƯỚC MƯA CHẢY TRÀN:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn:

1.1. Mạng lưới, công trình, thiết bị thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn.

- Nước mưa chảy tràn trong khu vực mỏ được thu gom bằng mương thu nước xung quanh khu vực khai thác, được dẫn về bốn (04) hồ lắng với tổng diện tích 6.089m^2 , sâu 2m và cách ranh giới mỏ khoảng 20m về phía Bắc (các hồ lắng thuộc đất ao của ông Phan Công Chính, đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CL055166). Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa chảy tràn:



- Công trình, thiết bị xử lý nước mưa chảy tràn:

+ Bốn (04) hồ lắng: Hồ lắng 01 có diện tích 1.342m^2 , thể tích 2.684m^3 ; Hồ lắng 02 có diện tích 1.378m^2 , thể tích 2.756m^3 ; Hồ lắng 03 có diện tích 1.465m^2 , thể tích 2.932m^3 ; Hồ lắng 04 có diện tích 1.904m^2 , thể tích 3.808m^3 ;

+ Hệ thống mương thu gom:

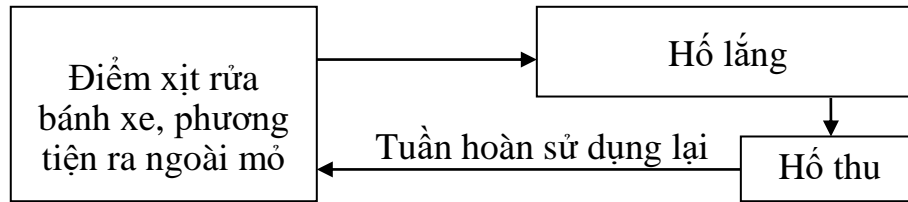
Mương thu gom nước mưa chảy tràn trong khu vực mỏ: Tổng chiều dài 397m, kết cấu mương đất, kích thước mương (rộng mặt 1,5m, rộng đáy 0,5m, sâu 1m).

Mương thu gom, thoát nước mưa ngoài khu vực mỏ chảy về các hồ lắng: Tổng chiều dài 318m, kết cấu mương đất, kích thước (sâu 1m, rộng mặt 1m, rộng đáy 0,5m).

1.2. Mạng lưới, công trình, thiết bị thu gom, xử lý nước xịt rửa bánh xe phương tiện ra ngoài mỏ:

Đào 01 hồ lắng thể tích 5m^3 (kích thước $2,5\text{m}\times 2\text{m}\times 1\text{m}$) và 01 hồ thu nước thể tích 1m^3 (kích thước $1\text{m}\times 1\text{m}\times 1\text{m}$) làm bằng đất; tại vị trí cách mốc số 01 của khu mỏ 165m về phía Đông Bắc, có tọa độ $X(\text{m}) = 2039897$; $Y(\text{m}) = 512624$ (theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°). (02 hồ nằm trên đất rừng sản xuất của ông Phan Công Chính, đã được cấp giấy chứng

nhận QSDĐ số CL055166). Nước sau khi được xử lý cơ học sẽ được tuần hoàn tái sử dụng. Sơ đồ quy trình xử lý nước xịt rửa bánh xe như sau:



2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Dự án không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm nguồn nước do việc xả nước thải gây ra./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục 02

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NGUỒN PHÁT SINH BỤI, KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:

Bụi, khí thải từ hoạt động của máy móc, thiết bị khai thác, hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải, hoạt động khai thác và hoạt động đào béc đổ lưu giữ đất bóc hữu cơ phục vụ công tác cải tạo, phục hồi môi trường.

2. Dòng khí thải, vị trí xả bụi, khí thải:

Các nguồn phát sinh bụi, khí thải của Dự án là phân tán, không tập trung nên không xác định cụ thể vị trí, lưu lượng, phương thức xả bụi, khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu khí thải:

- Sử dụng 01 xe bồn để phun nước tưới ẩm tại khu vực khai trường khai thác, tuyến đường vận chuyển từ khu mỏ ra đường ĐT554 và trên tuyến đường ĐT554 khoảng 500m vào những ngày khai thác thời tiết nắng nóng (tần suất tưới ẩm ngày thường khoảng 4 lần/ngày, ngày hanh khô khoảng 8 lần/ngày).

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng tuyến đường vận chuyển của mỏ, hạn chế phát sinh bụi vào mùa nắng và bùn lầy vào mùa mưa.

- Tất cả các xe vận tải, thiết bị phục vụ công tác khai thác và vận chuyển tại mỏ phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng để giảm tiếng ồn và khí thải phát ra từ động cơ.

- Các xe tải khi chở đất ra ngoài mỏ không chở quá dung tích chứa của thùng xe, phải có bạt che kín và được giăng buộc cẩn thận, tránh làm rơi vãi vật liệu khi di chuyển.

- Xịt rửa bánh xe trước khi vận chuyển ra khỏi khu vực mỏ.

- Không thực hiện khai thác và vận chuyển đất vào ban đêm gây ảnh hưởng tới sinh hoạt của người dân.

- Tiến hành trồng cây 2 bên tuyến đường vào mỏ để giảm thiểu tác động do bụi phát sinh do hoạt động vận chuyển ảnh hưởng đến môi trường dọc tuyến đường.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thường xuyên thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh tại dự án theo yêu cầu tại mục 1 Phần B Phụ lục này.

2.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu hoạt động khai thác làm phát sinh bụi, khí thải ảnh hưởng đến môi trường xung quanh dự án;

2.3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm không khí đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm không khí do hoạt động làm phát tán bụi, khí thải gây ra./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục 03

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày / /2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NGUỒN PHÁT SINH TIẾNG ỒN:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị đào xúc, vận chuyển đất, xe vận chuyển ra vào khu vực mỏ.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

Tại vị trí khai thác đất, dọc tuyến đường giao thông nội mỏ ra đường ĐT554,...

3. Tiêu chuẩn tiếng ồn:

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTM - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, vận chặt ốc vít máy móc, phương tiện để giảm thiểu phát sinh tiếng ồn.

- Đối với người lao động phải được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động để giảm âm tiếng ồn như nút bịt tai, mũ áo bảo hộ,...

- Tăng cường trồng, chăm sóc hệ thống cây xanh xung quanh khu vực mỏ.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục 04
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày / /2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh:

STT	Tên chất thải	Ký hiệu phân loại	Mã chất thải nguy hại	Khối lượng (kg/tháng)
1	Dầu mỡ động cơ bôi trơn thải	NH	17 02 03	15
2	Giẻ lau dính dầu mỡ (bị nhiễm các thành phần nguy hại) thải	KS	18 02 01	24
3	Can nhựa (đã chứa dầu mỡ, khi thải ra là CTNH) thải	KS	18 01 03	2,0
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	NH	16 01 06	1,0
5	Mực in (loại có thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	KS	08 02 01	0,5
Tổng				42,5

1.2. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt, bao gồm: bao bì nilon, giấy loại, hộp nhựa, chai lọ thủy tinh, vỏ lon bia, rau củ quả hỏng, thức ăn dư thừa... với khối lượng khoảng 05kg/ngày.

1.3. Chất thải rắn công nghiệp thông thường và đất bóc hữu cơ phát sinh:

- Sinh khối thực vật (bao gồm các loại cành cây, rễ cây vụn): Khối lượng phát sinh khoảng 300 kg/tháng.

- Bùn cặn phát sinh từ quá trình nạo vét mương thoát nước, hồ lắng: Khối lượng khoảng 1.223,8 m³.

- Đất bóc hữu cơ: Khối lượng phát sinh khoảng 6.000 m³ trên toàn bộ diện tích mỏ.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ và biện pháp xử lý chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp phải kiểm soát (CTCNPKS):

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí đủ các thùng nhựa đựng CTNH, CNCNPKS (dung tích khoảng 60lít/thùng) có nắp đậy, dán nhãn, phân loại chất thải đặt trong nhà chứa chất thải.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

Kho lưu giữ CTNH, CTCNPKS có diện tích 5m² (2m x 2,5m) đặt tại khu vực văn phòng điều hành (Công ty TNHH Sáng Gia Tân Tiến thuê nhà ông Phan

Văn Gia - địa chỉ: thôn Tân Tiến, xã An Dũng, huyện Đức Thọ, Giấy chứng nhận QSDĐ số DD401332, theo hợp đồng thuê nhà ngày 01/09/2024). Kết cấu của kho lưu chứa: che chắn bằng tường gạch, có mái che, dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại, mặt sàn bằng bê tông không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

2.1.3. Biện pháp thu gom, xử lý:

Hằng ngày, chủ dự án thực hiện thu gom chất thải nguy hại phát sinh tại khu vực khai thác mỏ (nếu có), phân định, phân loại đưa về kho lưu chứa CTNH; định kỳ, hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ và biện pháp xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, đất bóc hữu cơ:

- Đất bóc hữu cơ: Máy xúc san gạt gom tại chỗ thành từng đống tạm thời bên cạnh bờ moong khai thác, hình thành nơi lưu giữ tạm cho từng năm khai thác để sử dụng cho cải tạo phục hồi môi trường.

- Sinh khối thực vật: cho người dân tận dụng làm chất đốt, phần còn lại được tập trung về khu vực lưu giữ cùng đất bóc hữu cơ, ủ tạo mùn để phục vụ cải tạo, phục hồi môi trường.

- Bùn nạo vét hồ lắng, mương thoát nước: được thu gom đưa về lưu giữ với đất bóc hữu cơ để phục vụ cải tạo, phục hồi môi trường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ và biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 03 thùng có nắp đậy, có thể tích phù hợp (01 thùng đựng chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng, 01 thùng đựng chất thải thực phẩm và 01 thùng đựng chất thải còn lại) đặt tại khu vực văn phòng điều hành (Công ty thuê nhà ông Phan Văn Gia - địa chỉ: thôn Tân Tiến, xã An Dũng, huyện Đức Thọ, Giấy CNQSDĐ số DD401332) để thu gom chất thải phát sinh tại mỏ.

2.3.2. Biện pháp thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế, tái sử dụng (như giấy, thùng carton hoặc các loại lon đựng nước giải khát,...) được thu gom vào thùng riêng, định kỳ bán phế liệu.

- Đối với chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt còn lại được thu gom lưu chứa vào thùng đựng riêng từng loại; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định của địa phương và quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của Dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của Dự án; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới UBND xã An Dũng và

Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho UBND xã An Dũng về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi dự án; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo UBND xã An Dũng và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Hà Tĩnh để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

Trong quá trình khai thác, chủ dự án tuân thủ nghiêm thực hiện khai thác đúng thiết kế đã được phê duyệt, thực hiện đúng trình tự khai thác theo các thông số của hệ thống khai thác, khai thác đúng độ sâu, phạm vi khai thác và sử dụng các phương tiện, máy móc khai thác đã được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; thực hiện quy trình, công nghệ, dây chuyền, thời gian khai thác; thường xuyên thực hiện việc kiểm soát khu vực khai thác, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan theo Giấy phép khai thác khoáng sản đã được UBND tỉnh cấp tại Quyết định số 4180/GP-UBND ngày 24/12/2021, Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 31/07/2024 và các nội dung của báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường sau khi được UBND tỉnh cấp phép; Đảm bảo chiều sâu thiết kế khai thác tối đa có cos α +25m. Đồng thời, thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó đối với từng sự cố môi trường với các nội dung sau đây:

1. Phòng ngừa và ứng phó sự cố trượt lở:

- Cắt tầng khai thác theo đúng thiết kế đảm bảo góc dốc bờ khai thác, tránh sạt lở đất xuống tầng dưới gây tai nạn trong quá trình khai thác.
- Không thực hiện khai thác vào các ngày mưa hoặc vừa có mưa lớn xảy ra.
- Bố trí cán bộ kỹ thuật thường xuyên kiểm tra, quan sát độ ổn định của bờ moong khai thác.
- Khai thác đến đâu thực hiện gia cố bờ moong đến đó.
- Đo vẽ định kỳ hàng năm địa hình khu vực khai trường, trong đó bao gồm các nội dung trắc địa bờ mỏ, tầng khai thác, taluy.
- Giữ lại cây xanh trên các khu vực chưa khai thác nhằm tăng khả năng giữ đất, hạn chế xói mòn, trôi trượt lở đất.

2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

- Bố trí các thiết bị phòng cháy, chữa cháy tại các vị trí thuận lợi; lắp đặt máy bơm, vòi dự phòng, các biển báo, nội quy tại các vị trí có nguy cơ xảy ra sự cố.
- Tất cả các cán bộ, công nhân viên phải được tập huấn công tác phòng cháy, nổ theo đúng kỹ thuật an toàn lao động cháy, nổ hiện hành.
- Định kỳ dọn vệ sinh, giảm khối lượng sinh khối khô dễ cháy ven đường đi đầu mùa khô. Chặt bỏ cây cỏ, lau, sậy tạp bụi, chỉ để lại những cây lá rộng có khả năng ngăn lửa.

- Thực hiện các quy định, nội quy, điều kiện an toàn, biện pháp về phòng cháy và chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật.
- Phối hợp với chủ rừng, cơ quan, tổ chức xung quanh trong việc bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy rừng; không gây nguy hiểm cháy đối với các khu rừng.
- Lập bảng nội quy cảnh báo cấm lửa khu vực tiếp giáp với rừng.
- Đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn an toàn phòng chống cháy, nổ,... theo hồ sơ thẩm duyệt của cơ quan quản lý chuyên ngành và theo quy định của pháp luật.

3. Phòng ngừa, ứng phó sự cố bom mìn:

Chủ dự án thực hiện rà phá bom mìn thông qua Hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định, chỉ thực hiện khai thác sau khi hoàn thành rà phá bom mìn.

4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác:

Thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục 05

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Trên cơ sở Báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường của dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 03/05/2024, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung cơ bản sau:

1. Các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường

- Cải tạo, phục hồi môi trường khai trường khai thác: Củng cố bờ moong; lập hàng rào, biển báo xung quanh moong; tạo hệ thống thoát nước moong khai thác; san gạt đáy moong; san lấp hố lắng nước xịt rửa bánh xe phương tiện ra ngoài mỏ, trồng cây đai bảo vệ khu vực mỏ,...

- Phục hồi môi trường khu vực ngoài biên giới mỏ: Duy tu, cải tạo tuyến đường vào mỏ; nạo vét mương thoát nước dọc tuyến đường vào mỏ; nạo vét hồ lắng; tháo dỡ đường dây điện, trạm cân,...

- Trong quá trình khai thác tùy vào điều kiện cụ thể, nếu có phát sinh những vấn đề liên quan, sẽ được tính toán xác định bổ sung điều chỉnh khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có) để đảm bảo việc thực hiện.

2. Kinh phí thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng số tiền ký quỹ (chưa bao gồm yếu tố trượt giá): 479.218.992 đồng (Bốn trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm mười tám nghìn, chín trăm chín mươi hai đồng), trong đó:

+ Số tiền đã ký quỹ đến ngày 20 tháng 9 năm 2024 (theo báo cáo, chứng từ nộp tiền ký quỹ hằng năm của đơn vị) là 197.152.998 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu một trăm năm mươi hai chín trăm chín mươi tám đồng)

+ Số tiền còn lại phải ký quỹ là 282.065.994 đồng (Hai trăm tám mươi hai triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm chín mươi tư đồng).

- Số lần còn lại phải ký quỹ: 04 lần (theo Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 31/07/2024 về việc điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản).

- Thời gian ký quỹ: Mỗi năm 1 lần; thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ. Số tiền ký quỹ, cải tạo, phục hồi môi trường mỗi năm: 70.516.499 đồng (Bảy mươi triệu, năm trăm mười sáu nghìn, bốn trăm chín mươi chín đồng).

Số tiền ký quỹ trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá. Chủ dự án khi kê khai nộp tiền ký quỹ phải tính đến yếu tố trượt giá và được xác định bằng số tiền ký quỹ hàng năm nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án (nâng công suất). Chỉ số giá tiêu dùng hàng năm áp dụng theo công bố của Tổng Cục Thống kê cho tỉnh Hà Tĩnh hoặc của cơ quan có thẩm quyền.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Hà Tĩnh. Số tài khoản 1327040700777777 tại Ngân hàng HD Bank - Chi nhánh Hà Tĩnh.

3. Thời gian, tiến độ thực hiện

Hoạt động	Thời gian bắt đầu thực hiện	Tiến độ thực hiện	Cơ quan kiểm tra	Cơ quan thực hiện
<i>Khu vực khai trường</i>				
Đào mương thoát nước	Sau khi kết thúc khai thác	01 ngày	Sở TNMT, UBND huyện Đức Thọ, UBND xã An Dũng và cơ quan chức năng có liên quan.	Chủ dự án
Đào móng cột trụ	Sau khi kết thúc khai thác	15 ngày		
Xây móng cột trụ	Sau khi kết thúc khai thác	15 ngày		
Lập hàng rào thép gai	Sau khi kết thúc khai thác	15 ngày		
Lắp biển báo	Trước khi khai thác	15 ngày		
Trồng cây trên mặt tầng	Sau khi kết thúc khai thác theo từng năm khai thác	30 ngày		
San gạt đáy moong	Sau khi kết thúc khai thác	05 ngày		
Trồng cây tại đáy moong	Sau khi san gạt mặt bằng ở cosde +25m	30 ngày và thực hiện chăm sóc 3 năm		
<i>Công trình khác</i>				
Cải tạo tuyến đường và nạo vét mương thoát nước dọc tuyến đường vào mỏ	Định kỳ, sau kết thúc khai thác theo từng năm	10 ngày	Sở TNMT, UBND huyện Đức Thọ, UBND xã An Dũng và cơ quan chức năng có liên quan	Chủ dự
Nạo vét hồ lắng nước mưa; tháo dỡ đường dây điện, trạm cân,...	Định kỳ, sau kết thúc khai thác theo từng năm	03 ngày		

Sau khi đã hoàn thành việc cải tạo, phục hồi môi trường, Chủ dự án lập hồ sơ gửi cơ quan có thẩm quyền và thực hiện các nội dung liên quan đến đóng cửa mỏ theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Chủ dự án phải thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

- Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH